

Số: 287/2018/QĐST-DS

Thành phố Huế, ngày 21 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 279/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ: Số 198 đường TQK, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Ng X T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông LHV, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh H. (Giấy ủy quyền số 214/UQ-VCB-PC ngày 03/4/2017).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà NTO, sinh năm 1965 (Giấy ủy quyền số 248/UQ-HUE.KT ngày 10/9/2018). Địa chỉ liên lạc: Số 78 đường HV, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị MP, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 17/363 đường NTT, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị MP công nhận còn nợ của Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 13/9/2018 là **21.055.934 đồng** (Hai mươi một triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 16.470.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.623.956 đồng, lãi quá hạn là 961.978 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

- Ngày 24/9/2018 bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 5.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/10/2018, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/11/2018, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/12/2018, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/01/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/02/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/3/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/4/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/5/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/6/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/7/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/8/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.470.000đồng tiền nợ gốc;

- Ngày 15/9/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ lãi;

- Ngày 15/10/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ lãi;

- Ngày 15/11/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.000.000đồng tiền nợ lãi;

- Ngày 15/12/2019, bà Nguyễn Thị MP trả cho Ngân hàng N số tiền là 1.585.934 đồng tiền nợ lãi và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/9/2018 trên số tiền

nợ gốc chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 455/2015/KHTN-CBCNV ngày 04/8/2015 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trong phiên hoà giải nên phải chịu án phí tranh chấp theo quy định là: $(21.055.934 \text{ đồng} \times 5\%) / 2 = 526.398 \text{ đồng}$ (làm tròn số là 526.000 đồng). Bà Nguyễn Thị MP chịu toàn bộ án phí tranh chấp là 526.000 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 480.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/005952 ngày 20/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trần Dũng